

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT VFOREST INDUSTRIES
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT VFOREST INDUSTRIES

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VFOREST INDUSTRIES MANUFACTURE AND TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: VFOREST INDUSTRIES CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0110338592

3. Ngày thành lập: 04/05/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Shophouse D01, Sky D Imperia SkyGarden, 423 Minh Khai , Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0868797212

Fax:

Email: info.vforestindustries@gmail.com Website: m

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
2.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
3.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
4.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
5.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác)	4530
6.	Bán mô tô, xe máy	4541
7.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620(Chính)
8.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
9.	Bán buôn thực phẩm	4632
10.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
11.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
12.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653

13.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu.	4659
14.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu)	4662
15.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ương giống cây lâm nghiệp	0210
16.	Khai thác gỗ	0220
17.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
18.	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ	0232
19.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
20.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
21.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
22.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
23.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
24.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
25.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
26.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
27.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
28.	Vận tải hành khách đường bộ khác (Doanh nghiệp đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo Nghị định số 10/2020/NĐ-CP)	4932
29.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
30.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (không bao gồm kinh doanh bất động sản)	5210
31.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
32.	Bốc xếp hàng hóa	5224
33.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
34.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
35.	Bưu chính Chi tiết: Đại lý bưu chính	5310
36.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
37.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741

